

Nghiên cứu ảnh hưởng của phương thức chăn nuôi đến khả năng sinh trưởng và cho thịt của gà Sasso thương phẩm phục vụ dạy học môn Sinh học tại trường cao đẳng, đại học

Hoàng Thị Hồng Nhung

TS. Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Received: 10/10/2024; Accepted: 18/10/2024; Published: 24/10/2024

Abstract: This study shows the impact of farming methods on the growth of meat for commercial Sasso chicken in Autumn-Winter. The experiment was established in blocks to ensure repeatable reliability, results are presented below.

The farming methods have small effects on Chicken Sasso; the captive method resulted better than semi-captive method:

- The high rate 97.33% fed in semi-captivity; and 97.78% in captivity.

- The weight calculated for overall living space at 9 weeks old ranged from 1915,95g to 1949,53g; absolute average growth from 29.77 to 30.30 g/ stock / day.

- (FCR) Cumulative calculation methods common for captive was 2.28 kg, 2.36 kg was in semi-captivity.

- Sasso chickens in the semi-captive has good meat quality than in the captive, in line with consumer tastes better.

Chicken Sasso could be suitable for both methods captive and semi-captive and high productivity in Phu Ninh district, Phu Tho province. These results gave a basic for multiplying such fowl to farmers.

Keywords: Sasso chickens, production capability, production, quality...

1. Đặt vấn đề

Các tính trạng của một giống được hình thành gắn liền với sự tác động của môi trường sinh thái địa phương. Ngoài các yếu tố di truyền, tác động của con người, thì các yếu tố ngoại cảnh như: Nhiệt độ, ánh sáng, ẩm độ, mùa vụ, mật độ nuôi nhốt, độ thông thoáng, chế độ chiếu sáng... có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành những đặc tính sinh trưởng, phát dục của giống ở từng địa phương, mà các đặc tính này sẽ hình thành các chỉ tiêu sản xuất của giống đó.

Gà Sasso là một giống tốt có nhiều ưu điểm, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Vậy phương thức nuôi có ảnh hưởng như thế nào đến năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế của giống đó. Nhằm góp phần đánh giá ảnh hưởng của phương thức chăn nuôi đến khả năng sinh trưởng và cho thịt của gà Sasso thương phẩm, từ đó tìm ra môi trường ngoại cảnh tối thích, kết hợp với biện pháp khoa học hợp lý, sẽ không những bồi dưỡng và duy trì được các đặc tính quý của phẩm giống, mà đặc biệt hơn còn đem lại lợi ích kinh tế cao nhất cho người chăn nuôi. Nghiên cứu có giá trị bổ sung thêm các dữ liệu khoa học phục vụ giảng dạy học tập; đáp ứng nhu cầu trong thực tiễn để định hướng

cho người chăn nuôi gà thịt có hiệu quả kinh tế cao.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

- Nội dung: xác định ảnh hưởng của phương thức nuôi tới 1 số chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà Sasso thương phẩm.

- Đối tượng nghiên cứu: gà Sasso thương phẩm (1 - 9 tuần tuổi)

- Địa điểm: Phù Ninh, Phú Thọ

- Phương pháp (PP) nghiên cứu: Thí nghiệm được tiến hành theo PP phân lô so sánh có lặp lại. Thí nghiệm mỗi lô gồm 50 con, theo dõi khoảng thời gian nuôi từ lúc 1 - 9 tuần tuổi. Phương thức nuôi thí nghiệm được bố trí là nuôi theo phương thức nuôi nhốt và phương thức bán chăn thả (nuôi nhốt có sân bãi chăn thả). Thức ăn các lô là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh proconco. Các lô tiến hành nghiên cứu với một chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng như nhau.

Sơ đồ bố trí thí nghiệm:

	Lô 1A	Lô 1B
Số lượng (con)	50 x 2	50 x 2
Thời gian nuôi (ngày)	63	63
Phương thức nuôi	Nuôi nhốt	Bán nuôi nhốt

Mùa vụ	Thu – Đông	Thu – Đông
Mật độ nhốt (con/m ²)	9	9
Vườn (m ² /con)	-	2
Thức ăn thí nghiệm	Proconco	Proconco

Mô khảo sát gà thí nghiệm theo Bùi Quang Tiến (1993); xác định chỉ tiêu sinh trưởng tuyệt đối và tương đối theo tiêu chuẩn Việt Nam (1997).

PP xử lý số liệu: Các số liệu thu được xử lý bằng PP thống kê sinh vật học của Nguyễn Văn Thiện và cs, (2002) và Excel.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Tỷ lệ nuôi sống của gà thí nghiệm

Kết quả thí nghiệm cho thấy tỷ lệ nuôi sống trong tuần và cộng dồn của phương thức nuôi nhốt và bán nuôi nhốt (nuôi nhốt có sân bãi chăn thả) là khá cao. Cụ thể:

Tỷ lệ nuôi sống cộng dồn của gà thí nghiệm từ sơ sinh - 3 tuần tuổi: theo phương thức nuôi nhốt và bán nuôi nhốt đều là 98,67%.

Tỷ lệ nuôi sống cộng dồn của gà thí nghiệm 1 đến 4 tuần tuổi: theo phương thức nuôi nhốt là 98,22% cao hơn phương thức bán nuôi nhốt đạt là 97,78%.

Tỷ lệ nuôi sống cộng dồn của gà thí nghiệm 1 đến 6 tuần tuổi: theo phương thức nuôi nhốt là 98,22% cao hơn phương thức bán nuôi nhốt đạt là 97,73%.

Tỷ lệ nuôi sống cộng dồn của gà thí nghiệm đến 1-9 tuần tuổi: theo phương thức nuôi nhốt là 97,78% cao hơn phương thức bán nuôi nhốt đạt là 97,33%.

Vậy tỷ lệ nuôi sống cộng dồn của gà thí nghiệm từ tuần 1 - 9 theo phương thức nuôi nhốt là 97,78% cao hơn so với gà ở phương thức bán nuôi nhốt là 97,33%. Kết quả này tương đương với kết quả nghiên cứu của Trần Thanh Vân và cs, (2007).

So sánh với giống gà lông màu khác, tác giả Trần Thị Hoan, Trung tâm khuyến Nông, khuyến Ngư tỉnh Bình Thuận cho biết tỷ lệ nuôi sống của gà thịt Lương Phượng dao động từ 93 - 98%; trong thí nghiệm này, tỷ lệ nuôi sống của chúng tôi về gà Sasso thương phẩm nằm trong khoảng dao động trên.

Để đạt được tỷ lệ nuôi sống cao như vậy, theo chúng tôi bên cạnh việc chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh thú y, giữ cho chuồng trại và nơi chăn thả luôn khô, sạch thì việc phòng trị bệnh cho gà có ảnh hưởng rất lớn đến nâng cao tỷ lệ nuôi sống.

2.2.2. Khả năng sinh trưởng của gà thí nghiệm

a. Sinh trưởng tích lũy

Khối lượng cơ thể gà thịt là một chỉ tiêu quan trọng, luôn được các xí nghiệp giống và các nhà chăn nuôi quan tâm, đặc biệt là trong thực tiễn chăn nuôi

gà thịt thương phẩm. Sinh trưởng tích lũy đã được khảo sát bằng cách cân khối lượng của gà sau mỗi tuần tuổi.

Khối lượng cơ thể của gà thí nghiệm tăng dần qua các tuần tuổi. Hai tuần đầu gà được cân chung trống, mái; từ tuần số 3 bắt đầu cân tách trống, mái. Nhìn chung gà ở các lô có tốc độ sinh trưởng khá nhanh, tuy nhiên vẫn có sự khác nhau về khả năng sinh trưởng giữa các lô thí nghiệm. Đến 9 tuần tuổi gà thí nghiệm nuôi nhốt có khối lượng 1949,53g cao hơn khối lượng gà bán nuôi nhốt đạt được 1915,95g (sự chênh lệch là 33,58g).

b. Sinh trưởng tuyệt đối, sinh trưởng tương đối

Sinh trưởng tuyệt đối trung bình từ 1-9 tuần tuổi ở phương thức nuôi nhốt là 30,3g/con/ngày; bán nuôi nhốt là 29,77g/con/ngày: Vậy nuôi nhốt có sinh trưởng tuyệt đối trung bình cao hơn bán nuôi nhốt là 0,53g/con/ngày. Vậy cùng một giống gà nhưng phương thức nuôi khác nhau có ảnh hưởng đến sinh trưởng tuyệt đối khác nhau, điều này cho thấy ảnh hưởng của môi trường đến tính trạng này rất lớn. Nếu chỉ căn cứ vào chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của sinh trưởng tuyệt đối thì thời điểm kết thúc nuôi gà thịt thí nghiệm có lợi nhất ở tuần tuổi số 7 ở cả hai phương thức nuôi. Tuy nhiên trên thực tế thời điểm xuất bán còn phụ thuộc vào thị hiếu người tiêu dùng.

Kết quả cho thấy sinh trưởng tương đối của gà thí nghiệm tính chung cho phương thức nuôi nhốt ở tuần tuổi số 1 là cao nhất đạt 87,02%, đạt ở bán nuôi nhốt là 86,84%; sau đó sinh trưởng tương đối của gà thí nghiệm ở 2 phương thức nuôi giảm dần qua các tuần tuổi. Đến 9 tuần tuổi sinh trưởng tương đối của gà thí nghiệm nuôi nhốt 13,33%, bán nuôi nhốt là 12,40%. Sự chênh lệch này là không nhiều, cho thấy gà thí nghiệm có khả năng sinh trưởng tốt trong cả hai phương thức nuôi nhốt và bán nuôi nhốt.

2.2.3. Khả năng thu nhận thức ăn và tiêu tốn thức ăn của gà thí nghiệm

a. Khả năng thu nhận thức ăn

Chúng tôi đã theo dõi và tính được lượng thức ăn thu nhận hàng ngày của gà thí nghiệm qua các tuần tuổi. Kết quả cho thấy trong vụ Thu – Đông lượng thức ăn tiêu thụ của gà thí nghiệm ở phương thức nuôi nhốt luôn thấp hơn phương thức bán nuôi nhốt. Cụ thể:

Khả năng thu nhận thức ăn theo tuần tuổi ở lô nuôi nhốt và bán nuôi nhốt lần lượt theo tuần tuổi lần lượt là: tuần 1 (12,17 g/con/ngày và 11,97 g/con/ngày); tuần 2 (27,09 g/con/ngày và 25,55 gam/con/ngày); tuần 3 (50,72 g/con/ngày và 45,24 gam/con/

ngày); tuần 4 (64,59 gam/con/ngày và 65,76 gam/con/ngày), tuần 5 (85,39 gam/con/ngày và 78,73 gam/con/ngày); tuần 6 (95,99 gam/con/ngày và 99,80 gam/con/ngày); tuần 7 (105,77 gam/con/ngày và 102,28 gam/con/ngày); tuần 8 (94,80 gam/con/ngày và 99,66 gam/con/ngày); tuần 9 (87,99 gam/con/ngày và 99,92 gam/con/ngày).

Ở tuần tuổi thứ 9 sự chênh lệch lượng thức ăn tiêu thụ của gà thí nghiệm ở phương thức nuôi nhốt luôn thấp hơn phương thức bán nuôi nhốt là 11,93g/con/ngày sở dĩ là vì gà bán nuôi nhốt mất nhiều năng lượng hơn khi kiếm thức ăn ở ngoài tự nhiên (bãi thả).

b. Tiêu tốn thức ăn cho tăng khối lượng

Trong chăn nuôi gia cầm, giảm chi phí thức ăn là biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế lớn nhất, vì thức ăn chiếm 70 – 80% giá thành sản phẩm. Kết quả theo dõi về hiệu quả sử dụng thức ăn như sau:

Phương thức bán nuôi nhốt có tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng của gà thí nghiệm cao hơn tiêu tốn thức ăn của phương thức nuôi nhốt. Vì phương thức bán nuôi nhốt thì gà phải tiêu tốn nhiều năng lượng hơn cho vận động hơn trong phương thức nuôi nhốt. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cộng dồn tăng dần từ 1 - 9 tuần tuổi, rõ ràng khi khối lượng cơ thể càng lớn thì tiêu tốn thức ăn để duy trì cơ thể càng lớn.

Tiêu tốn thức ăn cho kg tăng khối lượng cộng dồn ở lô nuôi nhốt và bán nuôi nhốt lần lượt theo các tuần tuổi cụ thể như sau: Tuần 1: (1,37 kg và 1,36kg); tuần 2 (1,43 kg và 1,40 kg); tuần 3 (1,57 kg và 1,47kg); tuần 4 (1,72 kg và 1,74 kg); tuần 5 (1,99 kg và 2,02 kg); tuần 6 (2,12 kg và 2,15 kg); tuần 7 (2,21 kg và 2,23 kg), tuần 8 (2,25 kg và 2,29 kg); tuần 9 (2,28 kg và 2,26 kg). Khi kết thúc thí nghiệm ở 9 tuần tuổi, tiêu tốn thức ăn cộng dồn tính chung cho phương thức nuôi nhốt là 2,28 kg, bán nuôi nhốt là 2,36 kg.

Đối với gà Sasso và một số giống gà lông màu khác cũng cho thấy: Gà Sasso so với gà Kabir và Lương Phượng nuôi theo phương thức bán nuôi nhốt tại Thái Nguyên thì gà Sasso có tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng thấp nhất (2,46kg so với 2,68 kg của gà Kabir và 2,60 kg của gà Lương Phượng). Vậy gà Sasso thí nghiệm có kết quả tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng là tương đối thấp so với các giống gà lông màu đang có tại VN. Chứng tỏ nuôi gà Sasso trong nông hộ sẽ có hiệu quả kinh tế cao.

2.2.4. Năng suất và chất lượng thịt

Kết quả khảo sát cho thấy: Thời điểm 63 ngày,

tỷ lệ thịt xẻ của gà mái lớn hơn gà trống ở cả hai phương thức nuôi nhốt và bán nuôi nhốt. Tỷ lệ thịt xẻ của gà trống biến động từ 76,15% đến 76,66%; gà mái biến động từ 77% đến 77,04%. (Tuy nhiên, so sánh này chưa có ý nghĩa thống kê với $P > 0,05$)

Tỷ lệ cơ đùi của cả trống và mái lô bán nuôi nhốt đều thấp hơn lô nuôi nhốt. Cụ thể tỷ lệ cơ đùi con trống nuôi nhốt là 19,58% > bán nuôi nhốt 19,45%; con mái: 18,84% > 18,40%. (Tuy nhiên, so sánh này chưa có ý nghĩa thống kê với $P > 0,05$)

Tỷ lệ cơ ngực của cả trống và mái lô bán nuôi nhốt so với lô nuôi nhốt. Cụ thể tỷ lệ cơ ngực con trống nuôi nhốt là 18,14% < bán nuôi nhốt 18,17%; con mái: 19,03% < 19,34%. (Tuy nhiên, so sánh này chưa có ý nghĩa thống kê với $P > 0,05$)

Tỷ lệ cơ ngực, tỷ lệ cơ đùi của cả trống và mái lô bán nuôi nhốt đều thấp hơn lô nuôi nhốt. Cụ thể tỷ lệ cơ ngực + cơ đùi con trống nuôi nhốt là 37,72% > bán nuôi nhốt 37,63%; con mái: 37,87% > 37,74% (Tuy nhiên, so sánh này chưa có ý nghĩa thống kê với $P > 0,05$).

So sánh tỷ lệ mỡ bụng thì phương thức bán nuôi nhốt có tỷ lệ mỡ bụng thấp hơn nuôi nhốt (con trống: 1,75 so với 1,44%; con mái 2,49% so với 1,48%). So sánh này có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$).

3. Kết luận

Gà Sasso ít chịu ảnh hưởng bởi phương thức nuôi, ở phương thức nuôi nhốt có kết quả tốt hơn so với phương thức bán nuôi nhốt. Gà Sasso có thể thích nghi được cho cả 2 phương thức nuôi nhốt và bán nuôi nhốt ở Huyện phủ Ninh - Tỉnh Phú Thọ và cho sức sản xuất khá cao. Tuy nhiên gà Sasso bán nuôi nhốt có chất lượng thịt thơm ngon hơn nuôi nhốt, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Đại, Trần Thanh Vân, Trần Long, Đặng Đình Hanh (2001), “Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, cho thịt của gà lai F1 (Trống Mía x mái Kabir) nuôi nhốt và bán chăn thả tại Thái Nguyên”, Tạp chí chăn nuôi số 5 – 2001. Hà Nội

2. Trần Thị Hoan (2012). *Nghiên cứu trồng sản thu lá và sử dụng bột lá sản trong chăn nuôi gà thịt và gà đẻ bố mẹ Lương Phượng*. Luận án TS nông nghiệp; Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

3. Nguyễn Đức Hùng (2004). “Xác định thành phần hoá học, giá trị dinh dưỡng và ảnh hưởng của bột lá keo giậu (*Leucaena leucocephala*) đã qua xử lý đến sức sản xuất của gà broiler và gà sinh sản”, Luận án TS Khoa học Nông nghiệp.